https://trungtamthuoc.com/

M.S.D.N:0314867900-C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC PHẨM PV HEALTHCARE
Q.BÌNH TÂN - TP. HỒ CHÍ MINH

Composition:
Betamethasone Valerate
Equivalent to Betamethasone.... 0.1 % w/w
Indication, contraindication, dosage, administration and other information:
Please see the enclosed leaflet

Thành phần: Mỗi tuýp thuốc kem chứa:
Betamethasone Valerate tương đương với Betamethasone ....0.1 % w/w
Chỉ định, chống chỉ định, liều dùng,cách dùng, cách dùng và các thông tin khác: Vui lòng xem tờ hướng dẫn sử dụng kèm theo

FOR EXTERNAL USE only

THUỐC DÙNG NGOÀI

2D_UN VARNISHED AREA 45 X 25 MM

Rx Prescription Drug

5 g

VALAPPLY

Betamethasone Cream 0.1 % w/w

Topical cream

5 g
Betamethasone Cream 0.1 % w/w

Bảo quản: Nơi khô mát, nhiệt độ không quá 30^{0}C, tránh ánh sáng
Tiêu chuẩn chất lượng: Nhà sản xuất

SĐK/ Visa No.:
Số lô SX/ Batch No.:
NSX/ Mfg. Date:
HD/ Exp. Date:

Made in India/Sản xuất tại Ấn Độ bởi:
S Kant HEALTHCARE Ltd.
Plot No.1802-1805, G.I.D.C.,
Phase-III, Vapi-396 195, Gujarat.
Code No.: GUJ/DRUGS/G-1344

ĐỂ XA TẦM TAY TRẺ EM
ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG
DNNK:

5 g
Betamethasone Cream 0.1 % w/w

Rx Thuốc kê đơn

5 g

VALAPPLY

Betamethasone Cream 0.1 % w/w

Kem bôi da

Hộp 1 tuýp 5 g

https://trungtamthuoc.com/



VALAPPLY 5g

Betamethasone Cream 0.1 % w/w

Topical Cream

Composition:
Betamethasone Valerate BP
Equivalent to Betamethasone ..... 0.1 % w/w
Chlorocresol BP
(As Preservative)..... 0.1 % w/w
In a cream base ..... q.s.
Dosage: As directed by the Physician.
Storage: Do not store above 30ºC.
Protect from light. Do not freeze.
Do not accept if seal is broken.
Keep the tube tightly closed after use.
Puncture nozzle seal with piercing point of cap.
Keep the medicine out of reach of children.

FOR EXTERNAL USE ONLY

Made in India:
S Kant HEALTHCARE Ltd.

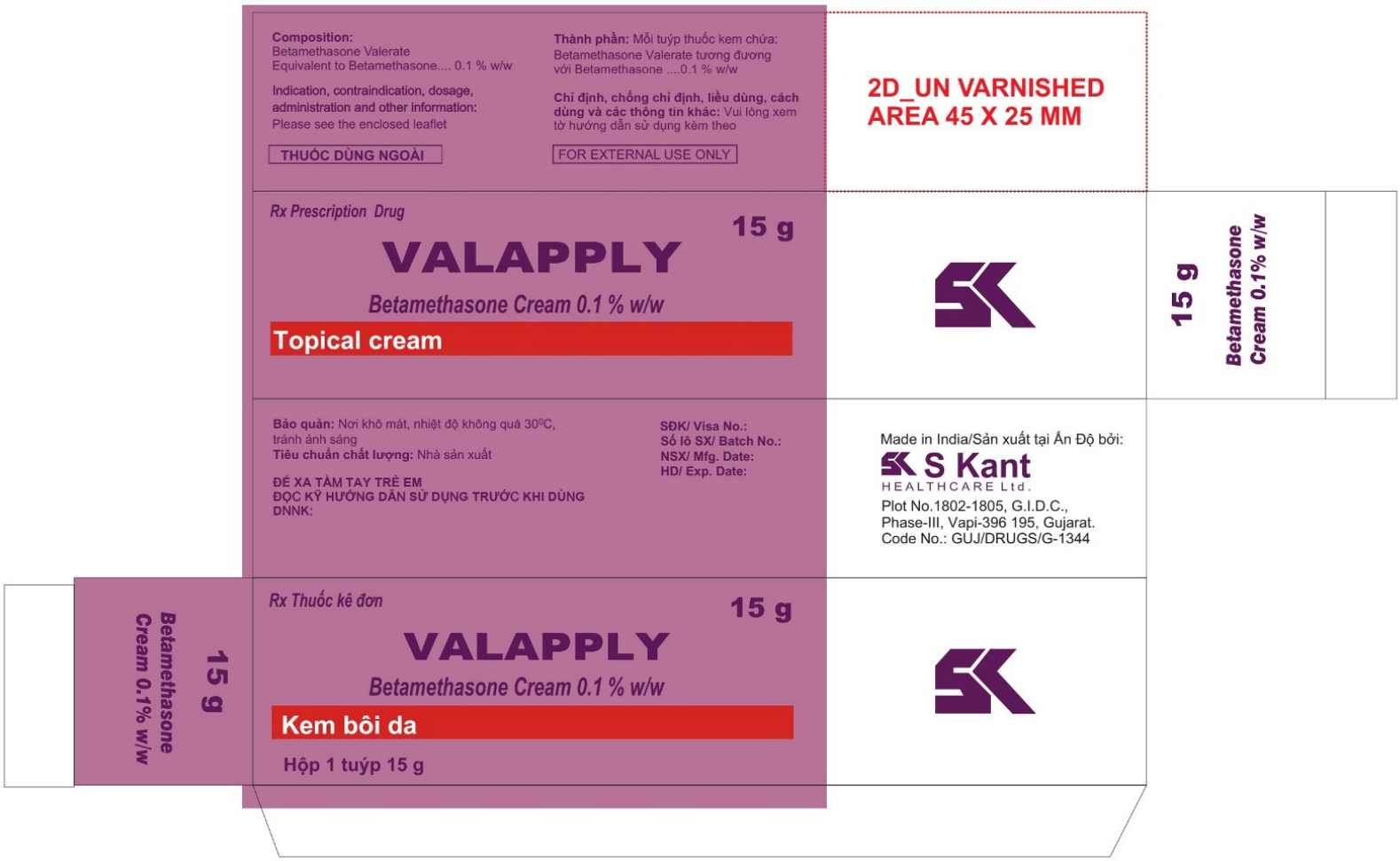
Plot No.1802-1805, G.I.D.C., Phase-III, Vapi-396 195,
Gujarat. Code No.: GUJ/DRUGS/G-1344

2B03TGL1

Batch No.:
Exp. Date:

https://trungtamthuoc.com/

M.S.D.N:0314867900-C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC PHẨM PV HEALTHCARE
Q.BÌNH TÂN - TP. HỒ CHÍ MINH



https://trungtamthuoc.com/

M.S.D.N:0314867900-C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC PHẨM PV HEALTHCARE
Q.BÌNH TÂN - TP. HỒ CHÍ MINH

VALAPPLY 15g

Betamethasone Cream 0.1 % w/w

Topical Cream

Composition:
Betamethasone Valerate BP
Equivalent to Betamethasone ..... 0.1 % w/w
Chlorocresol BP
(As Preservative)..... 0.1 % w/w
In a cream base ..... q.s.
Dosage: As directed by the Physician.
Storage: Do not store above 30ºC.
Protect from light. Do not freeze.
Do not accept if seal is broken.
Keep the tube tightly closed after use.
Puncture nozzle seal with piercing point of cap.
Keep the medicine out of reach of children.

FOR EXTERNAL USE ONLY

Made in India:
S Kant HEALTHCARE Ltd.

Plot No.1802-1805, G.I.D.C., Phase-III, Vapi-396 195,
Gujarat. Code No.: GUJ/DRUGS/G-1344

Batch No.:
Exp. Date:

2B03TGL1

https://trungtamthuoc.com/

Rx Thuốc này chỉ dùng theo đơn thuốc

Thuốc dùng ngoài

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THUỐC

VALAPPLY

- *Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng. Nếu cần thêm thông tin, xin hỏi ý kiến bác sĩ hoặc dược sĩ.*
- *Thông báo cho bác sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc.*
- *Để thuốc xa tầm tay trẻ em.*
- *Không dùng thuốc quá hạn in trên bao bì.*

1. Tên thuốc: VALAPPLY

2. Thành phần công thức thuốc:

Mỗi gam thuốc kem có chứa:

Hoạt chất: Betamethasone Valerate tương đương với Betamethasone 0.1% w/w

Tá dược: Cetomacrogol Emulsifying Wax - (1000), Cetostearyl Alcohol , Sodium Dihydrogen Phosphate, Dihydrate (Sodium Acid Phosphate), Sodium Hydroxide , Chlorocresol , Light Liquid Paraffin , White soft paraffin , Nước tinh khiết

3. Dạng bào chế: Thuốc kem bôi ngoài da.

Mô tả: Kem trắng mịn, không sạn, không có hạt phân tán và không có bọt khí.

4. Chỉ định

Chỉ định ưu tiên khi liệu pháp corticosteroid tại chỗ được coi là phương pháp điều trị tốt nhất: Chàm tiếp xúc, viêm da dị ứng.

Chỉ định khi liệu pháp corticosteroid tại chỗ là một trong những phương pháp điều trị thông thường: Viêm da ứ dịch, bệnh vẩy nến (trừ các mảng rất rộng), lichen, ngứa không do ký sinh trùng, chàm bìu, lichen xơ cứng ở bộ phận sinh dục, u hạt vòng, lupus ban đỏ dạng đĩa, viêm da tiết bã nhờn ngoại trừ ở mặt, điều trị triệu chứng ngứa do mycosis fungoides.

Chỉ định tạm thời trong thời gian ngắn: vết côn trùng cắn và ngứa do ký sinh trùng sau khi điều trị nguyên nhân.

Dạng kem đặc biệt thích hợp cho các tổn thương cấp tính, rỉ dịch.

Lưu ý: Mỗi bệnh lý da liễu cần được điều trị bằng corticoid phù hợp với mức độ tác dụng, và tùy vào kết quả, có thể cần phải thay thế bằng sản phẩm có hoạt tính mạnh hơn hoặc yếu hơn trên toàn bộ hoặc một phần các tổn thương.

5. Cách dùng, liều dùng:

Đường dùng thuốc: Bôi ngoài da

https://trungtamthuoc.com/

Thoa một lớp mỏng lên vùng da cần điều trị, 1-2 lần/ngày và massage nhẹ nhàng cho đến khi kem được hấp thụ hoàn toàn. Rửa tay sau khi thoa thuốc.

Việc tăng quá mức số lần thoa mỗi ngày có thể làm tăng các tác dụng phụ mà không cải thiện hiệu quả điều trị.

Khi điều trị các vùng da diện tích lớn cần phải theo dõi số lượng tuýp kem sử dụng.

Một số bệnh ngoài da (bệnh vẩy nến, viêm da dị ứng, v.v.) khiến bạn nên ngừng sử dụng corticosteroid tại chỗ dần dần. Có thể thực hiện bằng cách giảm tần suất sử dụng/hoặc sử dụng corticosteroid liều thấp hơn hoặc ít mạnh hơn.Trong trường hợp tình trạng xấu đi hoặc không có cải thiện sau 2 đến 4 tuần, cần đánh giá lại điều trị và chẩn đoán.

Khi một đợt cấp tính đã được điều trị hiệu quả bằng phương pháp điều trị corticosteroid tại chỗ liên tục, có thể cân nhắc điều trị ngắt quãng. Trong trường hợp sử dụng thuốc ngắt quãng kéo dài, cần đánh giá thường xuyên chức năng của trục hạ đồi-tuyến yên-tuyến thượng thận.

6. Chống chỉ định

Mẫn cảm với hoạt chất hoặc bất kỳ tá dược nào của thuốc. Các trường hợp sau đây không nên điều trị bằng betamethasone valerate:

- Nhiễm trùng da chưa được điều trị
- Bệnh trứng cá đỏ
- Mụn trứng cá thông thường
- Bệnh ngứa không viêm
- Ngứa vùng hậu môn và bộ phận sinh dục
- Viêm da quanh miệng

Chống chỉ định sử dụng Betamethasone valerate đối với các bệnh da liễu bao gồm viêm da ở trẻ em dưới một tuổi.

7. Cảnh báo và thận trọng khi dùng thuốc:

Betamethasone valerate nên được sử dụng thận trọng ở các bệnh nhân có tiền sử quá mẫn tại chỗ với các corticosteroid khác. Các phản ứng quá mẫn tại chỗ có thể tương tự với các triệu chứng của tình trạng đang điều trị.

Các biểu hiện của hội chứng hypercortisolism (hội chứng Cushing) và ức chế trục hạ đồi - tuyến yên - tuyến thượng thận có thể đảo ngược dẫn tới giảm glucocorticosteroid, có thể xuất hiện ở một số đối tượng do sự tăng hấp thu toàn thân các steroid tại chỗ. Nếu quan sát thấy một trong hai trường hợp trên, ngừng thuốc dần dần bằng cách giảm tần suất sử dụng hoặc thay thế với một loại corticosteroid hiệu lực yếu hơn. Ngừng điều trị đột ngột có thể dẫn tới giảm glucocorticosteroid

Các yếu tố rủi ro làm tăng tác động toàn thân :

- Hiệu lực và công thức của steroid tại chỗ
- Thời gian tiếp xúc
- Sử dụng trên diện tích bề mặt lớn
- Dùng trên các vùng da bị che kín, ví dụ: các vùng kẽ hoặc da dưới lớp băng kín (tã có thể đóng vai trò như một lớp băng kín ở trẻ sơ sinh)

https://trungtamthuoc.com/

- Tăng mức độ hydrat hóa lớp sừng
- Dùng trên những vùng da mỏng như mặt
- Dùng trên da bị tổn thương hoặc các tình trạng khác mà hàng rào bảo vệ da có thể bị suy yếu
- Trẻ em có thể hấp thụ lượng corticosteroid tại chỗ tương ứng lớn hơn so với người lớn, do đó dễ gặp tác dụng phụ toàn thân hơn. Nguyên nhân là do trẻ em có hàng rào bảo vệ da chưa hoàn thiện và tỷ lệ diện tích bề mặt so với trọng lượng cơ thể lớn hơn so với người lớn.

Đối tượng trẻ em

Đối với trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ dưới 12 tuổi, các đợt điều trị nên được giới hạn trong 5 ngày và không nên băng kín; nên tránh sử dụng liệu pháp điều trị bằng corticosteroid tại chỗ liên tục trong thời gian dài do có thể xảy ra tình trạng ức chế tuyến thượng thận.

Nguy cơ nhiễm trùng khi băng kín

Điều kiện ấm và ẩm ướt trong các nếp gấp của da hoặc do việc băng kín gây ra làm tăng khả năng nhiễm khuẩn. Khi sử dụng phương pháp băng kín, cần làm sạch da trước khi phủ một lớp băng mới.

Dùng cho bệnh vảy nến

Nên thận trọng khi điều trị bệnh vảy nến bằng các corticosteroid tại chỗ do hiện tượng tái phát dội lại (rebound relapses), phát triển khả năng kháng thuốc, nguy cơ mắc bệnh vảy nến mụn mủ toàn thân và biểu hiện nhiễm độc tại chỗ hay toàn thân vì chức năng hàng rào bảo vệ của da bị suy yếu đã được ghi nhận ở một vài trường hợp. Nếu dùng cho bệnh vẩy nến, việc giám sát bệnh nhân cẩn thận là cần thiết.

Dùng trên mặt

Việc sử dụng kéo dài trên mặt không được khuyến khích do khu vực này dễ bị teo da hơn, do đó các đợt điều trị nên giới hạn trong vòng 5 ngày và không nên băng kín.

Dùng trên mí mắt

Nếu bôi lên mí mắt, cần cẩn thận để đảm bảo thuốc không đi vào mắt, do việc tiếp xúc nhiều lần có thể dẫn tới bệnh đục thủy tinh thể và bệnh tăng nhãn áp.

Rối loạn thị giác

Rối loạn thị giác có thể được ghi nhận khi sử dụng corticosteroid toàn thân và tại chỗ. Nếu bệnh nhân có các triệu chứng như mờ mắt hoặc gặp các rối loạn thị giác khác, bệnh nhân nên được xem xét giới thiệu đến gặp bác sĩ chuyên khoa mắt để đánh giá các nguyên nhân có thể xảy ra, bao gồm đục thủy tinh thể, tăng nhãn áp hoặc các bệnh hiếm gặp như bệnh hắc võng mạc trung tâm thanh dịch (CSCR) đã từng được ghi nhận sau khi điều trị với corticosteroid toàn thân và tại chỗ.

Đồng nhiễm

Liệu pháp kháng sinh phù hợp nên được sử dụng bất cứ khi nào điều trị các sang thương viêm đã bị nhiễm trùng. Bất kỳ sự lây lan nhiễm trùng nào cũng đều cần ngừng điều trị với corticosteroid tại chỗ và sử dụng liệu pháp kháng sinh thích hợp.

https://trungtamthuoc.com/

Loét chân mạn tính

Các corticosteroid tại chỗ đôi khi được sử dụng để điều trị viêm da xung quanh các vết loét mãn tính ở chân. Tuy nhiên, việc này có thể có liên quan tới sự xuất hiện nhiều hơn của các phản ứng quá mẫn tại chỗ và tăng nguy cơ nhiễm trùng tại chỗ.

Hội chứng cai steroid tại chỗ

Việc sử dụng steroid tại chỗ không phù hợp hoặc liên tục trong thời gian dài có thể dẫn đến sự phát triển của các đợt bùng phát dội lại sau khi ngừng điều trị (hội chứng cai steroid tại chỗ). Một dạng bùng phát dội lại nghiêm trọng có thể biểu hiện ra ở dạng viêm da với tình trạng da đỏ, châm chích và bỏng rát dữ dội mà có thể lan rộng ra ngoài vùng da điều trị ban đầu. Điều này thường xảy ra hơn khi điều trị các vùng da dễ tổn thương như mặt và các nếp gấp. Nếu tình trạng này tái phát trong vòng vài ngày đến vài tuần sau khi điều trị thành công thì nên nghi ngờ có phản ứng cai thuốc.

Nên thận trọng khi tái sử dụng và nên có tư vấn chuyên môn trong những trường hợp này hoặc xem xét các lựa chọn điều trị khác.

Cảnh báo tá dược

Sản phẩm có chứa parafin. Chỉ dẫn bệnh nhân không được hút thuốc hoặc đến gần ngọn lửa trần do nguy cơ bỏng nặng. Vải (quần áo, khăn trải giường, băng gạc,...) đã tiếp xúc với sản phẩm này dễ cháy hơn và là nguy cơ gây hỏa hoạn nghiêm trọng. Giặt quần áo và khăn trải giường có thể làm giảm tích tụ nhưng không loại bỏ hoàn toàn sản phẩm.

Sản phẩm chứa chlorocresol có thể gây ra các phản ứng dị ứng và cetostearyl alcohol có thể gây ra các phản ứng da tại chỗ (ví dụ: viêm da tiếp xúc)

.8. Sử dụng thuốc cho phụ nữ có thai và cho con bú:

Khả năng sinh sản

Không có dữ liệu để đánh giá tác động của corticosteroid tại chỗ đến khả năng sinh sản ở người.

Phụ nữ có thai

Dữ liệu về việc dùng betamethasone valerate trên phụ nữ mang thai còn hạn chế.

Sử dụng corticosteroid tại chỗ cho động vật mang thai có thể gây ra những phát triển bất thường của bào thai.

Sự liên quan của phát hiện này đối với con người chưa được xác minh; tuy nhiên, chỉ nên cân nhắc sử dụng betamethasone valerate trong thời kỳ mang thai nếu lợi ích mong đợi đối với người mẹ vượt trội nguy cơ đối với thai nhi. Nên sử dụng một lượng tối thiểu trong thời gian ngắn nhất.

Phụ nữ cho con bú

Việc sử dụng an toàn corticosteroid tại chỗ trong thời gian cho con bú chưa được xác minh.

Việc sử dụng corticosteroid tại chỗ có thể dẫn đến sự hấp thụ toàn thân đủ để tạo ra một lượng có thể phát hiện được trong sữa mẹ hay không chưa được biết rõ. Chỉ nên cân nhắc sử dụng

https://trungtamthuoc.com/

betamethasone valerate trong thời kỳ cho con bú nếu lợi ích mong đợi đối với người mẹ vượt trội nguy cơ đối với trẻ sơ sinh.

Nếu sử dụng trong thời kỳ cho con bú, không nên bôi betamethasone valerate lên vú để tránh trẻ sơ sinh vô tình nuốt phải.

9. Ảnh hưởng của thuốc lên khả năng lái xe, vận hành máy móc

Chưa có nghiên cứu đánh giá ảnh hưởng của betamethasone valerate đến khả năng lái xe hoặc vận hành máy móc. Tác động bất lợi đến các hoạt động như vậy không được dự báo từ hồ sơ các phản ứng bất lợi của betamethasone valerat tại chỗ.

10. Tương tác, tương kỵ của thuốc

Rối loạn chuyển hóa như giảm dung nạp glucose được quan sát thấy khi sử dụng đồng thời corticosteroid tại chỗ và thuốc chống tiểu đường. Cảnh báo bệnh nhân và tăng cường tự theo dõi lượng đường trong máu và nước tiểu, đặc biệt là khi bắt đầu điều trị.

Tương kỵ của thuốc: Do không có các nghiên cứu về tính tương kỵ của thuốc, không trộn lẫn thuốc này với các thuốc khác.

11. Tác dụng không mong muốn của thuốc:

Các biến cố bất lợi liệt kê dưới đây được phân loại theo hệ cơ quan và tần suất. Tần suất được xác định như sau: rất thường gặp (≥1/10), thường gặp (≥1/100 đến <1/10), ít gặp (≥1/1000 đến <1/100), hiếm gặp (≥1/10,000 đến <1/1000), rất hiếm gặp (<1/10,000), chưa biết (không thể ước tính từ dữ liệu có sẵn).

Nhiễm trùng và nhiễm khuẩn

Tần suất không rõ: Nhiễm trùng thứ phát, đặc biệt là khi băng kín hoặc ở các nếp gấp, và viêm da tiếp xúc dị ứng đã được báo cáo trong quá trình sử dụng corticosteroid tại chỗ.

Rối loạn hệ thống miễn dịch

Tần suất không rõ: quá mẫn tại chỗ

Rối loạn nội tiết

Tần suất không rõ: Suy thượng thận khi ngừng điều trị đột ngột do ức chế trục hạ đồi-tuyến yên-tuyến thượng thận

Hội chứng Cushing (gây ra tình trạng khuôn mặt tròn như mặt trăng, béo phì ở vùng trung tâm) và các rối loạn về da bao gồm: teo da, da mỏng, da khô, rạn da, giãn mạch.

Rối loạn da và mô dưới da

Thường gặp: ngứa, bỏng da tại chỗ

Tần suất không rõ: Thay đổi sắc tố, tăng sắc tố da, viêm da tiếp xúc dị ứng/viêm da, bệnh vẩy nến mủ, ban đỏ, phát ban, nổi mề đay.

Việc sử dụng corticosteroid tại chỗ có hoạt tính mạnh trong thời gian dài có thể dẫn đến xuất huyết dưới da thứ phát do teo da và da mỏng manh.

https://trungtamthuoc.com/

Viêm da tiếp xúc dị ứng cũng đã được báo cáo khi sử dụng corticosteroid tại chỗ. Khi bôi lên mặt, dermocorticoid có thể gây viêm da quanh miệng hoặc làm trầm trọng thêm bệnh rosacea

Hiện tượng viêm nang lông đã được báo cáo.

Có thể quan sát thấy vết thương mất trương lực, vết loét do tì đè, vết loét ở chân chậm lành

Rối loạn tổng quát và tình trạng tại chỗ khi sử dụng

Tần suất không rõ: Kích ứng tại vị trí bôi thuốc

Rối loạn mắt

Không rõ tần suất: nhìn mờ

Báo cáo các phản ứng có hại nghi ngờ

Thông báo ngay cho bác sỹ hoặc dược sĩ khi gặp các tác dụng không mong muốn như trên khi sử dụng thuốc hoặc báo cáo các phản ứng có hại của thuốc về Trung tâm Thông tin thuốc và Theo dõi phản ứng có hại của thuốc (ADR) Quốc Gia

12. Quá liều và cách xử trí:

Triệu chứng và dấu hiệu

Betamethason valerate bôi tại chỗ có thể được hấp thu với một lượng đủ để tạo ra tác động toàn thân. Quá liều cấp tính rất khó xảy ra, tuy nhiên các đặc điểm của hội chứng Cushing có thể xuất hiện trong trường hợp sử dụng quá liều mãn tính hoặc lạm dụng thuốc

Cách xử lý

Trong trường hợp quá liều, nên ngừng dùng betamethasone valerate dần dần bằng cách giảm tần suất sử dụng hoặc thay thế bằng một corticosteroid hiệu lực yếu hơn do nguy cơ giảm glucocorticosteroid.

Việc xử lý tiếp theo nên theo chỉ định lâm sàng hoặc theo khuyến cáo của trung tâm chống độc quốc gia, nếu có.

13. Đặc tính dược lực học:

Mã ATC: D07AC01

Nhóm dược lý: Corticosteroids, mạnh (nhóm III).

Cơ chế tác động

Corticosteroid tại chỗ đóng vai trò như tác nhân chống viêm thông qua nhiều cơ chế để ức chế các phản ứng dị ứng giai đoạn muộn bao gồm giảm mật độ tế bào mast, giảm hóa ứng động (chemotaxis) và kích hoạt bạch cầu ái toan (eosinophils), giảm sản xuất cytokine bởi tế bào lympho, bạch cầu đơn nhân, tế bào mast và bạch cầu ái toan, và ức chế chuyển hóa axit arachidonic.

Tác dụng dược lực học

Corticosteroid tại chỗ có đặc tính chống viêm, chống ngứa và co mạch.

14. Đặc tính dược động học:

https://trungtamthuoc.com/

Hấp thu

Corticosteroid tại chỗ có thể được hấp thụ toàn thân từ làn da khỏe mạnh nguyên vẹn. Mức độ hấp thu qua da của corticosteroid tại chỗ được quyết định bởi nhiều yếu tố bao gồm dạng bào chế thuốc và tình trạng nguyên vẹn của hàng rào biểu bì.

Băng kín, viêm và/hoặc các tiến triển bệnh khác trên da cũng có thể làm tăng khả năng hấp thụ qua da.

Phân bố

Việc sử dụng các tiêu chí dược lực học để đánh giá sự phơi nhiễm toàn thân của corticosteroid tại chỗ là cần thiết vì nồng độ tuần hoàn thấp hơn nhiều so với nồng độ có thể phát hiện.

Chuyển hóa

Sau khi được hấp thụ qua da, corticosteroid tại chỗ được truyền qua các quá trình dược động học tương tự như corticosteroid dùng toàn thân. Thuốc được chuyển hóa chủ yếu ở gan.

Thải trừ

Corticosteroid tại chỗ được bài tiết qua thận. Ngoài ra, một số corticosteroid và chất chuyển hóa của chúng cũng được bài tiết qua mật.

Dữ liệu an toàn tiền lâm sàng

Độc tính đối với sinh sản

Tiêm dưới da betamethasone valerate cho chuột nhắt hoặc chuột cống với liều ≥0,1 mg/kg/ngày hoặc thỏ với liều ≥12 microgam/kg/ngày trong thời kỳ mang thai gây ra những bất thường cho thai nhi bao gồm hở hàm ếch và chậm phát triển trong tử cung.

Ảnh hưởng của betamethasone valerate đến khả năng sinh sản ở động vật chưa được đánh giá.

15. Quy cách đóng gói: Hộp 1 tuýp 5g & Hộp 1 tuýp 15 g

16. Điều kiện bảo quản, hạn dùng, tiêu chuẩn chất lượng của thuốc:

Điều kiện bảo quản: Bảo quản nơi khô mát, ở nhiệt độ không quá 30°C, tránh ánh sáng..

Hạn dùng: 36 tháng kể từ ngày sản xuất.

Tiêu chuẩn chất lượng của thuốc: Tiêu chuẩn nhà sản xuất.

17. Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc:

S KANT HEALTHCARE LTD.

Địa chỉ: Plot No.1802-1805, G.I.D.C Phase III, Vapi-396 195, Gujarat State, Ấn Độ